

**FACTORS INFLUENCING
EDUCATION SELF-AWARENESS
SKILLS FOR 5-6-YEAR-OLD PRESCHOOL
CHILDREN BASED ON LEARNING
THROUGH PLAY APPROACH**

Khuat Doan Phuong Lam

*Faculty of Early Childhood Education, Hanoi
National University of Education, Hanoi city, Vietnam*

Corresponding author: Khuat Doan Phuong Lam,
e-mail: lamkdp@hnue.edu.vn

Received August 18, 2024.

Revised September 18, 2024.

Accepted October 2, 2024.

**YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁO DỤC
KĨ NĂNG TỰ NHẬN THỨC BẢN THÂN
CHO TRẺ MẪU GIÁO 5-6 TUỔI DỰA
TRÊN TIẾP CẬN HỌC QUA CHƠI**

Khuất Doãn Phương Lam

*Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Sư phạm
Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Khuất Doãn Phương Lam,
e-mail: lamkdp@hnue.edu.vn

Ngày nhận bài: 18/8/2024.

Ngày sửa bài: 18/9/2024.

Ngày nhận đăng: 2/10/2024.

Abstract. Self-awareness skills are an important aspect of emotional and social skills education for preschool children aged 5-6. To align with the developmental characteristics of 5-6-year-old children, this educational process needs to be implemented based on a learning through play approach. Preschool teachers' assessments of factors affecting the education of self-awareness skills for children, based on a learning through play approach, impact their practices in organizing educational activities. This study uses a quantitative research method based on an online survey with 103 samples from preschool teachers in Hanoi. The research results show that educational support, the children themselves, and work seniority influence the education of self-awareness skills for 5-6-year-old children. The research results serve as a basis for proposing measures to promote the education of self-awareness skills for 5-6-year-old children based on a learning through play approach.

Keywords: Education, self-awareness skills, preschool teacher, influencing factor, learning through play.

Tóm tắt. Kỹ năng tự nhận thức bản thân là một nội dung quan trọng trong lĩnh vực giáo dục tình cảm - kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi. Để phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ 5-6 tuổi, quá trình giáo dục này cần được thực hiện dựa trên tiếp cận học qua chơi. Đánh giá của giáo viên mầm non về các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng tự nhận thức bản thân cho trẻ dựa trên tiếp cận học qua chơi có tác động đến thực hành của giáo viên trong tổ chức các hoạt động giáo dục. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng dựa trên phiếu khảo sát online với 103 mẫu là các giáo viên mầm non tại thành phố Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, yếu tố hỗ trợ giáo dục, bản thân trẻ và thâm niên công tác của giáo viên có ảnh hưởng đến việc giáo dục kỹ năng tự nhận thức bản thân cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi. Kết quả nghiên cứu là cơ sở đề xuất một số biện pháp nhằm thúc đẩy việc giáo dục kỹ năng tự nhận thức bản thân cho trẻ 5-6 tuổi dựa trên tiếp cận học qua chơi.

Từ khóa: Giáo dục, kỹ năng tự nhận thức bản thân, giáo viên mầm non, yếu tố ảnh hưởng, học qua chơi.

1. Mở đầu

Kỹ năng tự nhận thức bản thân (TNTBT) là một nội dung quan trọng trong lĩnh vực giáo dục tình cảm - kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo (MG) 5-6 tuổi. Kỹ năng này được xếp vào một trong 3 nhóm kỹ năng sống quan trọng của con người [1], [2]. Ngoài ra, TNTBT còn là một trong 5 kĩ

năng thành phần của kỹ năng cảm xúc xã hội [3], [4], [5]. Các công trình nghiên cứu của Bar-On (2005) [6], Lam & Wong (2017) [7], Alzahrani và cộng sự (2019) [8], Im, Jiar & Talib (2019) [9] đã chỉ ra vai trò của kỹ năng Cảm xúc xã hội nói chung và kỹ năng TNTBT nói riêng đối với sự phát triển toàn diện của trẻ em. Theo đó, kỹ năng TNTBT cho phép trẻ em xác định và hiểu được tiềm năng, cảm xúc, điểm mạnh và điểm yếu của mình từ đó trẻ em học cách trân trọng giá trị của bản thân, đánh giá khách quan bản thân so với người khác và tạo cơ hội phát triển cá nhân.

Học qua chơi là sự kết hợp giữa hoạt động chơi của trẻ với mục tiêu học tập được hỗ trợ hoặc hướng dẫn của người lớn trong môi trường học tập vui vẻ và có ý nghĩa góp phần phát triển phẩm chất và năng lực của trẻ. Quá trình giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi cần được thực hiện qua hoạt động học qua chơi do giáo viên thiết kế nhằm khuyến khích sự tự do khám phá và sáng tạo của trẻ, cũng như cung cấp cơ hội cho trẻ thực hành và phản ánh về bản thân. Công trình nghiên cứu của các giả Zosh và cộng sự (2022) [10] đã chứng minh được mối quan hệ giữa học qua chơi và các kỹ năng toàn diện của trẻ. Tuy nhiên, để quá trình giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên tiếp cận học qua chơi (TCHQC) đạt hiệu quả cao, cần thiết phải nhận thức, phân tích và điều chỉnh các yếu tố tác động đến việc thực hành tổ chức hoạt động giáo dục của giáo viên một cách khoa học. Một số nghiên cứu của các tác giả như Landry và cộng sự (2001) [11], Hale-Jinks cùng cộng sự (2006) [12] và tác giả Phan Thị Thúy Hằng (2023) [13] đã chỉ ra rằng môi trường lớp học, môi trường gia đình, đặc điểm của trẻ và môi trường xã hội có ảnh hưởng đến sự phát triển các kỹ năng cảm xúc xã hội ở trẻ trong đó có kỹ năng TNTBT.

Tại Việt Nam, còn ít nghiên cứu tìm hiểu về các yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC của giáo viên mầm non (GVMN). Nghiên cứu này nhằm mục đích xác định và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục kỹ năng tự nhận thức bản thân cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC, từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm nâng cao hoạt động giáo dục của GVMN. Kết quả của nghiên cứu sẽ góp phần quan trọng vào chương trình giáo dục tình cảm – kỹ năng xã hội, xác định các phương pháp, biện pháp và hình thức giáo dục phù hợp với từng cá nhân trẻ và điều kiện cụ thể của từng môi trường giáo dục.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lí thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng tự nhận thức bản thân cho trẻ 5-6 tuổi dựa trên tiếp cận học qua chơi

Giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC là quá trình tác động sự phạm giúp trẻ phát triển khả năng nhận biết về đặc điểm, cảm xúc, khả năng của bản thân và mối quan hệ của bản thân với mọi người xung quanh để có thái độ và hành vi ứng xử phù hợp thông qua các hoạt động có sự vui vẻ, có ý nghĩa, có nhiều cơ hội thử nghiệm, trẻ tham gia chủ động, tích cực và có sự tương tác xã hội. Việc giáo dục kỹ năng TNTBT của trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng các yếu tố như môi trường, xã hội, phương pháp giảng dạy của giáo viên và đặc điểm cá nhân từng trẻ đóng vai trò quyết định trong việc giáo dục kỹ năng tự nhận thức bản thân cho trẻ [14], [15], [16], [17]. Nghiên cứu của B.F. Skinner và Allport cùng các cộng sự cho rằng, tự nhận thức bản thân được hình thành dựa trên các yếu tố như gen di truyền, môi trường sống và gia đình [18]. Tác giả Hoàng Thanh Phương (2018) nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tự nhận thức bản thân của trẻ MG 5-6 tuổi gồm: “Các yếu tố khách quan (tác động từ phía cha mẹ, giáo viên mầm non, điều kiện môi trường sống) và các yếu tố chủ quan (khả năng nhận thức; tính tích cực trẻ)” [1] [25]. Kế thừa các nghiên cứu trước đó, trong nghiên cứu này chúng tôi tìm hiểu mức độ ảnh hưởng của các yếu tố: yếu tố bản thân trẻ; yếu tố về năng lực của giáo viên, yếu tố môi trường giáo dục đến việc giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC.

*** Về yếu tố bản thân trẻ**

5-6 tuổi là giai đoạn cuối của độ tuổi mầm non. Ở lứa tuổi này nhận thức của trẻ gắn liền với

cảm xúc và ý muốn chủ quan khiến cho trẻ khó phân biệt được đâu là khách quan, đâu là chủ quan [19]. Mặt khác, trẻ MG 5-6 tuổi, tri giác phát triển mạnh mẽ và chiếm ưu thế trong hoạt động nhận thức, các quá trình nhận thức khác như trí nhớ, tư duy, chú ý... đều phụ thuộc rất nhiều vào tri giác của trẻ [19]. Ngoài ra, tính tích cực nhận thức cũng là một phẩm chất quan trọng của nhân cách trẻ, tính tích cực gắn liền với hoạt động, điều này biểu hiện ở sự hăng hái, năng động của trẻ trong các hoạt động tìm hiểu, khám phá về bản thân mình. Nhu cầu, mong muốn tìm hiểu bản thân của trẻ sẽ ảnh hưởng đến việc giáo dục kỹ năng tự nhận thức bản thân cho trẻ.

* **Yếu tố về năng lực của giáo viên**

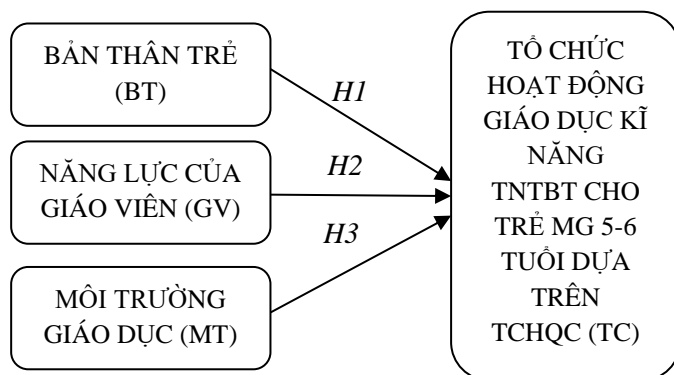
Năng lực của giáo viên là tập hợp kỹ năng, kiến thức và hành vi mà giáo viên phải nắm vững khi thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của mình. Trong quá trình giáo dục kỹ năng tự nhận thức bản thân cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC, giáo viên cần nắm được sự phát triển về thể chất và tâm lý, hành vi của từng trẻ, hiểu được hoàn cảnh sống của từng em, để lựa chọn các biện pháp giáo dục phù hợp [20]. Hơn nữa việc nắm vững kiến thức chuyên môn, xác định đúng mục tiêu giáo dục, khai thác nội dung giáo dục kỹ năng TNTBT trong chương trình Giáo dục mầm non hiện hành, lựa chọn phương pháp, biện pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp là yếu tố quyết định đến thành công và hiệu quả của việc giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ. Theo Jennings và Greenberg (2009) [21], sự phát triển chuyên môn liên tục thông qua các khóa đào tạo giúp giáo viên cập nhật kiến thức và kỹ năng mới từ đó nâng cao hiệu quả giảng dạy. Zins và cộng sự (2004) [22] cũng cho rằng kỹ năng giao tiếp và thái độ tích cực của giáo viên có liên quan mật thiết đến thành công của họ trong việc giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi.

* **Yếu tố về môi trường giáo dục**

Môi trường học tập, chương trình học tập có ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC. Việc có được những tài liệu cần thiết, cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, môi trường lớp học sạch sẽ an toàn kích thích tư duy và sự sáng tạo của trẻ được cho là nâng cao hiệu quả giáo dục của giáo viên. Hamre và Pianta (2001) [23] đã nhấn mạnh một môi trường lớp học an toàn và hỗ trợ sẽ thúc đẩy trẻ phát triển các kỹ năng xã hội một cách tự nhiên và hiệu quả.

Một yếu tố khác về môi trường có liên quan đến cha mẹ trẻ. Sheridan và cộng sự (2013) [24] đã chỉ ra rằng sự tham gia tích cực của gia đình trong quá trình giáo dục giúp trẻ nhận được sự hỗ trợ nhất quán từ cả nhà trường và gia đình, từ đó các kỹ năng xã hội được phát triển một cách toàn diện. Ngoài ra, Altunova N & Kalman M (2020) [25], Kanya N và cộng sự (2021) [26] cũng khẳng định rằng sự hợp tác của nhà trường với cha mẹ trẻ trong quá trình giáo dục con cái tác động đến hiệu quả hoạt động của giáo viên.

2.2. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

* **Các giả thuyết:**

- *Giả thuyết H1:* Yếu tố bản thân trẻ không ảnh hưởng đến quá trình giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC.
- *Giả thuyết H2:* Năng lực của giáo viên không ảnh hưởng đến quá trình giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC.
- *Giả thuyết H3:* Môi trường giáo dục không ảnh hưởng đến quá trình giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC.

Mô hình nghiên cứu đề xuất gồm 3 biến được nghiên cứu có tác động đến quá trình giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi dựa trên TCHQC: Bản thân trẻ (BT), Năng lực giáo viên (NL), Môi trường giáo dục (MT). Biến phụ thuộc là “Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi dựa trên TCHQC” được định nghĩa trong nghiên cứu này là sự đánh giá tổng quát của giáo viên mầm non về việc giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi dựa trên TCHQC. Chúng tôi thiết kế 16 biến quan sát, các biến quan sát được xây dựng theo thang đo Likert từ 1 đến 5 (trong đó 1: Rất không đồng ý, 2: Không đồng ý, 3: Phân vân, 4: Đồng ý, 5: Hoàn toàn đồng ý).

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Bằng phương pháp khảo sát online, chúng tôi tiến hành khảo sát GVMN tại nội thành và ngoại thành TP. Hà Nội. Thời gian khảo sát tháng 05, 06/2024.

Đối với phân tích nhân tố khám phá EFA thì cỡ mẫu tối thiểu phải gấp năm lần tổng số biến quan sát trong các thang đo (Hair và cộng sự, 2010) [26]. Với nghiên cứu này, số biến ban đầu là 16 như vậy cỡ mẫu nghiên cứu tối thiểu là 80 mẫu ($16 \times 5 = 80$).

Khảo sát được thực hiện thông qua bảng hỏi khảo sát online trên hệ thống KoboToolbox. Thông tin thu được dùng để đánh giá độ tin cậy và giá trị của thang đo, kiểm định thang đo, kiểm định sự phù hợp của mô hình. Sau khi thu thập dữ liệu, tiến hành mã hóa dữ liệu, và tiến hành xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 và AMOS 20.0. Số liệu của nghiên cứu được phân tích thông qua các bước sau:

- Kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha.
- Phân tích nhân tố khám phá EFA và nhân tố khẳng định CFA.
- Phân tích tương quan tuyến tính Pearson.
- Phân tích phương trình hồi quy tuyến tính.
- Phân tích ANOVA để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng tự nhận thức bản thân cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi dựa trên TCHQC.

Kết quả nghiên cứu sẽ cho biết mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến việc giáo dục kỹ năng tự nhận thức bản thân cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi dựa trên TCHQC của giáo viên mầm non, từ đó có thể đưa ra kết luận và kiến nghị phù hợp.

2.4. Phân tích dữ liệu và kết quả nghiên cứu

Để đảm bảo về chất lượng, chúng tôi đã tiến hành phát ra 110 phiếu khảo sát và thu về được 103 phiếu khảo sát có câu trả lời hợp lệ dùng làm dữ liệu cho nghiên cứu. Vì vậy, nghiên cứu này phân tích dữ liệu với 103 mẫu.

2.4.1. Thống kê mô tả

Bảng 1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Thông tin	Chi tiết	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Trình độ chuyên môn	Trung cấp	14	13,6
	Cao đẳng	28	27,2
	Đại học	61	59,2
Thâm niên công tác	Dưới 5 năm	77	74,8
	Từ 5 đến dưới 10 năm	14	13,6
	Trên 10 năm	12	11,7
Địa bàn	Nội thành	56	54,4
	Ngoại thành	47	45,6

Theo Bảng 1, có 59,2% GVMN tham gia khảo sát có trình độ Đại học; 74,8% giáo viên có thâm niên công tác dưới 5 năm. Các giáo viên tham gia khảo sát phân bố đồng đều ở nội thành và ngoại thành của TP. Hà Nội. Vì khảo sát này là ngẫu nhiên, các sự chênh lệch này không quá xa nên vẫn đảm bảo tính đại diện cho mẫu.

2.4.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo với hệ số Cronbach's Alpha

Theo mô hình nghiên cứu, có 4 nhân tố gồm 3 nhân tố biến độc lập và 1 nhân tố biến phụ thuộc thể hiện sự ảnh hưởng của các yếu tố đến việc tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng TNTBT của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi dựa trên TCHQC. Kiểm định độ tin cậy của những nhân tố này bằng cách dùng phân tích Cronbach's Alpha.

Kết quả ở bảng sau cho thấy các thang đo đều có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6. Hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều lớn hơn 0,3. Vì vậy, tất cả 16 biến quan sát thuộc thang đo các thành phần và 4 biến quan sát thuộc thang đo việc tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng TNTBT của trẻ 5-6 tuổi dựa trên TCHQC đều đạt độ tin cậy.

Bảng 2. Kết quả phân tích hệ số Cronbach's Alpha

Thang đo thành phần	Số biến quan sát ban đầu	Hệ số Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến tổng
Bản thân trẻ	3	0,796	$\geq 0,512$
Năng lực của giáo viên	5	0,925	$\geq 0,742$
Môi trường giáo dục	4	0,860	$\geq 0,682$
Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC	4	0,898	$\geq 0,728$

2.4.3. Phân tích nhân tố EFA và CFA

a. Phân tích nhân tố EFA và CFA cho biến độc lập

Trong nghiên cứu này, giả thuyết ban đầu có 3 nhân tố độc lập, để phân tích EFA cho thang đo này, chúng tôi tiến hành xem xét nhân tố trích trong 3 nhân tố: Bản thân trẻ (BT1, BT2, BT3); Năng lực của giáo viên (GV1, GV2, GV3, GV4, GV5); Môi trường giáo dục (MT1, MT2, MT3).

Chúng tôi dùng phương pháp phân tích EFA (Exploratory Factor Analysis), kết quả phân tích nhân tố khám phá cho thấy chỉ số KMO = 0,927 > 0,5 nên phân tích EFA là phù hợp với dữ liệu nghiên cứu. Kiểm định Bartlett cho thấy giữa các biến trong tổng thể có mối tương quan với nhau (mức ý nghĩa sig = 0,000 < 0,05). Phương pháp trích hệ số sử dụng là Principal Components với phép xoay Varimax và điểm dừng khi trích các yếu tố tại Eigenvalue bằng 1. Có 2 nhân tố được trích với chỉ số Eigenvalue thấp nhất là 1,109 > 1 và tổng phương sai trích là 68,952 có nghĩa là giải thích được 68,952% sự biến thiên của dữ liệu. Do vậy, thang đo rút ra được chấp nhận, đồng thời 12 biến quan sát được giữ lại trong phân tích và được nhóm vào 2 nhân tố, hệ số tải nhân tố của từng biến quan sát đều lớn 0,5.

Các biến quan sát được chia thành 2 nhóm nhân tố (so với nhân tố ban đầu là 3), các nhân tố này được gom lại và đặt tên như sau:

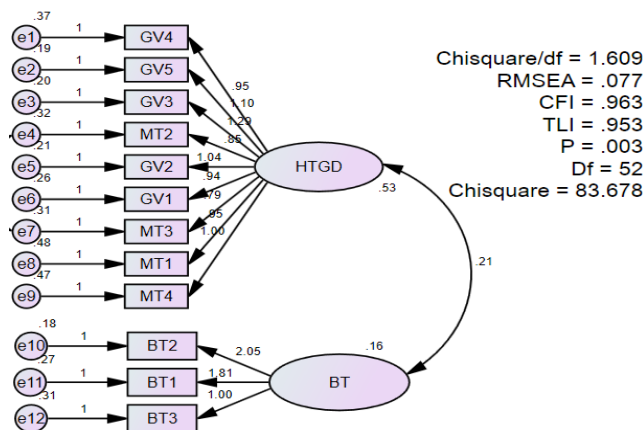
+ Nhân tố 1: (HTGD) gồm các biến quan sát GV1, GV2, GV3, GV4, GV5, MT1, MT2, MT3, MT4 thuộc 2 nhân tố ban đầu là Năng lực giáo viên và môi trường giáo dục được nhóm lại làm một và được đặt tên là “Hỗ trợ giáo dục”.

+ Nhân tố 2: (BT) gồm BT1, BT2, BT3 được đặt tên là “Bản thân trẻ”.

Bảng 3. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA cho biến độc lập

Rotated Component Matrix^a			
Mã hóa	Biến	Component	
		1	2
GV4	GV hiểu được đặc điểm phát triển của trẻ MG 5-6 tuổi	0,857	
GV5	GV biết cách tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC	0,843	
GV3	GV lựa chọn được hình thức, biện pháp giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC	0,830	
MT2	Hệ thống học liệu hỗ trợ các hoạt động giáo dục kỹ năng TNTBT dựa trên TCHQC	0,761	
GV2	GV lựa chọn được nội dung giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC.	0,724	
GV1	GV xác định được mục tiêu giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC.	0,718	
MT3	Phụ huynh tích cực trao đổi, tương tác chia sẻ cùng giáo viên để thống nhất quan điểm và phương pháp giáo dục trẻ	0,676	
MT1	Cơ sở vật chất và trang thiết bị, công nghệ, được thiết kế an toàn, kích thích sự tò mò, khám phá và sự sáng tạo của trẻ, hỗ trợ việc học qua chơi, phát triển kỹ năng TNTBT của trẻ.	0,640	
MT4	Nhà trường tổ chức truyền thông tới gia đình trẻ về cách giáo dục kỹ năng TNTBT dựa trên TCHQC	0,616	
BT2	Tư duy của trẻ mang tính trực quan		0,852
BT1	Hoạt động nhận thức của trẻ 5-6 tuổi mang tính chủ quan		0,796
BT3	Tính tích cực nhận thức của trẻ		0,715
Eigenvalue		7,116	1,109
Cumulative %		59,713	68,952
KMO = 0,927			
Sig = 0,000			

Từ kết quả phân tích nhân tố EFA, sử dụng phần mềm AMOS 20.0 để tiến hành phân tích nhân tố CFA, kết quả như sau:



Hình 2. Kết quả phân tích CFA

Theo Hair và cộng sự (2010)[26], trong phân tích CFA, các chỉ số Chi-square, CFI, TLI và RMSEA được dùng để đánh giá độ phù hợp của mô hình đo lường. Nếu một mô hình nhận giá trị Chi-square ≤ 2 là tốt, GFI, TLI và CFI từ 0,9 đến 1, RMSEA có giá trị $< 0,08$ thì mô hình này được xem là phù hợp với dữ liệu nghiên cứu. Trong phân tích này, các giá trị Chi-square/df = $1,609 < 2$; RMSEA là $0,077 < 0,08$ tốt; đồng thời hai giá trị CFI và TLI là $0,963$ và $0,953 > 0,9$ cho thấy mô hình đo lường phù hợp với dữ liệu thu thập được

b. Phân tích nhân tố EFA cho biến phụ thuộc

Bảng 4. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA cho biến phụ thuộc

Component Matrix ^a		
Mã hóa	Biến	Component
		1
TC2	GV lập kế hoạch giáo dục, tăng cường trải nghiệm, tương tác giữa cô và trẻ, giữa trẻ với trẻ để trẻ khám phá về BT thông qua các hoạt động HQC	0,935
TC3	GV khuyến khích trẻ phát biểu ý kiến cá nhân, chia sẻ về BT và bộc lộ cảm xúc phù hợp trong các các hoạt động HQC	0,868
TC1	GV chuẩn bị môi trường, cung cấp các trò chơi và nguyên vật liệu/học liệu mở phù hợp với trẻ trong hoạt động giáo dục nhằm tạo không khí vui vẻ, thoải mái, tạo cơ hội cho trẻ phát triển kỹ năng TNTBT	0,866
TC4	GV quan sát và tham gia cùng trẻ trong các trò chơi để củng cố và mở rộng kỹ năng TNTBT cho trẻ	0,847
KMO = 0,794		
Sig = 0,000		
Eigenvalue = 3,095		
Cumulative % = 77,378		

Kết quả phân tích nhân tố EFA của biến phụ thuộc gồm 4 biến quan sát của ma trận xoay nhân tố (Rotated Component Matrix) cho thấy, hệ số tải của các biến quan sát đều thỏa mãn điều kiện khi phân tích nhân tố, hệ số tải nhân tố của các biến quan sát $> 0,5$. Đồng thời kiểm định Bartlett cho thấy giữa các biến trong tổng thể có mối tương quan với nhau (mức ý nghĩa Sig = $0,000 < 0,5$) với hệ số KMO = $0,794 > 0,5$. Tổng phương sai trích là 77,378 có ý nghĩa là giải thích được 77,378% sự biến thiên của dữ liệu.

* Hiệu chỉnh mô hình nghiên cứu:

Sau khi kiểm tra lại thang đo và thực hiện phân tích EFA và CFA, mô hình được hiệu chỉnh như sau: có 2 yếu tố tác động đến việc giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC là: “Hỗ trợ giáo dục” và “Bản thân trẻ”.

* Đặt lại giả thuyết:

Giả thuyết H1: Yếu tố hỗ trợ giáo dục (HTGD) không ảnh hưởng đến quá trình giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC.

Giả thuyết H2: Yếu tố bản thân trẻ (BT) không ảnh hưởng đến quá trình giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC.

2.4.4. Phân tích tương quan Pearson

Từ kết quả Pearson cho thấy các biến độc lập BT, HTGD có mối tương quan thuận chiều với biến phụ thuộc TC vì các hệ số tương quan của các biến độc lập và biến phụ thuộc đều dương. Hệ số Sig của các biến độc lập đều có giá trị $< 0,05$ do đó chúng có ý nghĩa về mặt thống kê.

Bảng 5. Kiểm định tương quan mô hình

Correlations				
		<i>TC</i>	<i>BT</i>	<i>HTGD</i>
TC	Pearson Correlation	1	0,639**	0,836**
	Sig.(2-tailed)		0,000	0,000
	N	103	103	103
BT	Pearson Correlation	0,639**	1	0,665**
	Sig.(2-tailed)	0,000		0,000
	N	103	103	103
HTGD	Pearson Correlation	0,836**	0,665**	1
	Sig.(2-tailed)	0,000	0,000	
	N	103	103	103

2.4.5. Phân tích hồi quy và kiểm định giả thuyết

Bảng 6. Kết quả phân tích hồi quy và kiểm định giả thuyết

Coefficients ^a								
Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics		
	<i>B</i>	<i>Std. Error</i>	<i>Beta</i>			<i>Tolerance</i>	<i>VIF</i>	
(Constant)	0,649	0,252		2,578	0,011			
BT	0,158	0,076	0,150	2,078	0,040	0,558	1,791	
HTGD	0,737	0,072	0,736	10,228	0,000	0,558	1,791	
R							0,843 ^a	
R Square							0,711	
Adjusted R Square							0,705	
F (ANOVA)							122,831	
Sig (ANOVA)							0,000 ^b	
a. Dependent Variable: TC								
a. Predictors: (Constant), HTGD, BT								

Thực hiện phân tích hồi quy tuyến tính của biến phụ thuộc TC được thực hiện với 2 biến độc lập HTGD và BT đã thu được kết quả phù hợp. Hệ số R2 hiệu chỉnh là 0,705 tức là 70,5% sự biến thiên của việc tổ chức các hoạt động giáo dục có thể được giải thích bởi các biến độc lập trong mô hình, 29,5% còn lại có thể do ảnh hưởng của những biến khác ngoài mô hình và do sai số ngẫu nhiên.

Giá trị F trong ANOVA đạt 122,831 với mức ý nghĩa (sig = 0,000 < 0,05) có nghĩa là mô hình lí thuyết phù hợp với dữ liệu thực tế nghiên cứu.

Các biến HTGD và TB đều có Sig < 0,05, do đó các biến này có ý nghĩa thống kê, đều tác động lên biến phụ thuộc TC. Bên cạnh đó hệ số phóng đại phương sai VIF của các biến trong mô hình có giá trị là 1,791 < 2, chứng tỏ mô hình hồi quy không vi phạm giả thuyết hiện tượng đa cộng tuyến. Mô hình có ý nghĩa thống kê, các giải thuyết được chấp nhận.

Kết luận: H1: Yếu tố hỗ trợ giáo dục (HTGD) ảnh hưởng đến việc giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC.

H2: Yếu tố bản thân trẻ (BT) ảnh hưởng đến việc giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC.

Mô hình chuẩn hóa: $TC = 0.736*HTGD + 0.150*BT$

2.5. Kiểm định sự khác biệt

Bảng 7. Kết quả kiểm định sự khác biệt

		N	\bar{X}	S.D	P value
Trình độ chuyên môn	Trung cấp	14	4,2321	0,82895	0,836
	Cao đẳng	28	4,3214	0,83015	
	Đại học	61	4,3648	0,70942	
Thâm niên công tác	Dưới 5 năm	77	4,2727	0,76324	0,001
	Từ 5 năm đến dưới 10 năm	14	4,2500	0,83781	
	Từ 10 năm trở lên	12	4,8333	0,32567	
Địa bàn	Nội thành	56	4,3705	0,74771	0,603
	Ngoại thành	47	4,2926	0,76670	

Để kiểm định sự khác biệt trung bình giữa các biến trình độ chuyên môn, thâm niên công tác, địa bàn, tiến hành phân tích Independent - Sample T Test và One-way ANOVA cho kết quả như sau:

Yếu tố trình độ chuyên môn và yếu tố địa bàn không có tác động có ý nghĩa thống kê đến việc giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC (giá trị p-value lần lượt là 0,836 và 0,603 > 0,05).

Yếu tố thâm niên công tác: có sự khác biệt điểm số trung bình của nhóm có thâm niên công tác từ 10 năm trở lên so với 2 nhóm còn lại (P-value < 0,5). Đây là nhóm thâm niên công tác có kinh nghiệm lâu năm trong quá trình giáo dục trẻ. Điều này chứng minh rằng, giải thiết thâm niên công tác có thể là một trong những yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hành của giáo viên trong việc giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC.

3. Kết luận

Nghiên cứu này đề cập đến một số yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC. Kết quả cho thấy yếu tố hỗ trợ giáo dục, yếu tố bản thân trẻ và thâm niên công tác của giáo viên là các yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC. Trong đó, yếu tố hỗ trợ giáo dục có tác động mạnh nhất. Do đó, để tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ MG 5-6 tuổi dựa trên TCHQC có hiệu quả, cần bồi dưỡng nâng cao năng lực của giáo viên mầm non, xây dựng hệ thống tài liệu, học liệu đa dạng và hữu ích cho giáo viên tham khảo và vận dụng trong các hoạt động giáo dục trẻ. Thiết kế môi trường học tập có tính mở, an toàn và kích thích sự tham gia và sự sáng tạo của trẻ, có sự hợp tác, tương tác thường xuyên giữa nhà trường và gia đình để quá trình giáo dục kỹ năng TNTBT cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi đạt kết quả cao. Kết quả nghiên cứu là cơ sở đề xuất một số biện pháp nhằm thúc đẩy việc giáo dục kỹ năng tự nhận thức bản thân cho trẻ 5-6 tuổi dựa trên tiếp cận học qua chơi

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] HT Phương (2018), *Tự nhận thức bản thân của trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi*. Luận án tiến sĩ tâm lý học, Học viện Khoa học xã hội.
- [2] Nguyễn Quang Uẩn (2008), *Khái niệm kỹ năng sống xét theo góc độ tâm lý học*. Tạp chí Tâm lý học 6(111).

- [3] CASEL, (2013). Casel Guide 2013, *Effective Social and Emotional Learning Program – Preschool and Elementary School Edition*, (2024, May), <https://files.eric.ed.gov/fulltext/ED581699.pdf>
- [4] CASEL, (2020). *CASEL's SEL framework*, (2024, May), <https://casel.org/casel-sel-framework-11-2020/?view=true>.
- [5] Michigan Department of Education (2017), *SEL Competencies and Indicators*. https://www.michigan.gov/-/media/Project/Websites/mde/2018/04/12/SEL_Competencies-ADA_Compliant_FINAL.pdf?rev=1f0a9865782f495fbb8bf3f4ada59806.
- [6] Bar-On R, (2005). The Impact of Emotional Intelligence on Subjective Wellbeing. *Perspectives in Education* 23 (1): 41–62.
- [7] Lam TL & Wong EMY, (2017). Enhancing Social-Emotional well being in young children Through improving teacher's Social-emotional competence and curriculum design in Hongkong. *International Journal of Child Care and Education Policy*, <http://doi.org/10.1186/s40723-017-0031-0>.
- [8] Alzahrani M, Alharbi M & Alodwani A, (2019). The effect of social-emotional competence on children academic achievement and behavioral development. *International Education Studies*, 12(12), 141-149.
- [9] Im GW, Jiar YK & Talib RB, (2019). Development of Preschool Social Emotional Inventory for Preschoolers: A Preliminary Study. *International Journal of Evaluation and Research in Education*, 8(1), 158-164.
- [10] Zosh JM, Hassinger-Das B & Laurie M, (2022). *Learning through play and the development of holistic skills across childhood*. Billund, Denmark: LEGO Foundation.
- [11] Landry SH, Smith KE, Swank PR, Assel MA & Vellet S, (2001). Does early responsive parenting have a special importance for children's development or is consistency across early childhood necessary? *Developmental Psychology*, 37(3), 387–403. <https://doi.org/10.1037/0012-1649.37.3.387>.
- [12] Hale-Jinks C, Knopf H & Knopf H, (2006). Tackling teacher turnover in child care: Understanding causes and consequences, identifying solutions. *Childhood education*, 82(4), 219-226.
- [13] PTT Hằng, (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng cảm xúc xã hội cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi ở trường mầm non. *Tạp chí khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 68(1), 117-130. DOI: 10.18173/2354-1075.2023-0011.
- [14] Johnstone A, Martin A, Cordovil R, Fjørtoft I, Iivonen S, Jidovtseff B, Lopes F, Reilly JJ, Thomson H, Wells V & McCrorie P, (2022). Nature-based early childhood education and children's social, emotional and cognitive development: A mixed-methods systematic review. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 19(10), 5967. DOI: 10.3390/ijerph19105967.
- [15] Harrington EM, Trevino SD, Lopez S & Giuliani NR, (2020). Emotion regulation in early childhood: implications for socioemotional and academic components of school readiness. *Emotion*, 20(1), 48–53. <https://doi.org/10.1037/emo0000667>.
- [16] Lam CB, Chung KKH, Lam CS, & Li X, (2022). Linking social-emotional competence to behavioral and academic adjustment among Chinese Kindergarten Children: A multilevel approach. *Early Education and Development*, 33(5), 832–845. <https://doi.org/10.1080/10409289.2021.1979836>.
- [17] MacCann C, Jiang Y, Brown LER, Double KS, Bucich M & Minbashian A, (2020). Emotional intelligence predicts academic performance: A meta-analysis. *Psychological Bulletin*, 146(2), 150–186. <https://doi.org/10.1037/bul0000219>.
- [18] Smith B, Vetter J, (2005), *Các học thuyết về nhân cách*. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

- [19] DTD Hoa, NA Tuyết, NK Hào, PT Ngo, ĐTH Phúc (2008), *Giáo trình Tâm lý học phát triển*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [20] TV Luru (2014), *Kỹ năng ứng xử cần thiết dành cho giáo viên mầm non và các bậc cha mẹ*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [21] Jennings PA & Greenberg MT, (2009). The prosocial classroom: Teacher social and emotional competence in relation to student and classroom outcomes. *Review of Educational Research*, 79(1), 491-525. <https://doi.org/10.3102/0034654308325693>
- [22] Zins JE, Bloodworth MR, Weissberg RP & Walberg HJ, (2004). The scientific base linking social and emotional learning to school success. *Journal of educational and psychological consultation*, 17(2-3), 191-210. <https://doi.org/10.1080/10474410701413145>.
- [23] Hamre BK & Pianta RC, (2001). Early teacher-child relationships and the trajectory of children's school outcomes through eighth grade. *Child Development*, 72(2), 625-638. DOI: 10.1111/1467-8624.00301.
- [24] Sheridan SM, Ryoo JH, Garbacz SA, Kunz GM & Chumney FL, (2013). The efficacy of conjoint behavioral consultation on parents and children in the home setting: Results of a randomized controlled trial. *Journal of School Psychology*, 51(6), 717-733. <https://doi.org/10.1016/j.jsp.2013.09.003>.
- [25] Altunova N & Kalman M, (2020). Factors Affecting Classroom Teachers' Job Performance: A Qualitative-Dominant Analysis with Q-Sorting. *Research in Pedagogy*, 10(2), 285-312. DOI: 10.5937/IstrPed2002185A.
- [26] Kanya N, Fathoni AB, & Ramdani Z, (2021). Factors Affecting Teacher Performance. *International Journal of Evaluation and Research in Education*, 10(4), 1462-1468. DOI: 10.11591/ijere.v10i4.21693.
- [27] Hair JF, Black WC, Babin BJ and Anderson RE. (2010) *Multivariate Data Analysis*. 7th Edition, Pearson, New York.